薪資明細表 (參考樣例)Bảng lương chi tiết（ (事業單位-越南版)

tham khảo）

雇主名稱Tên Chủ thuê_____

外國人姓名Tên lao động _____ 護照號碼Số Hộ Chiếu

工資給付方式Phương thức phát lương:□現金Tiền mặc □票據(匯票、支票、本票)Phiếu cứ (phiếu gửi tiền,chi phiếu, phiếu ghi nợ) □其他方式 (請註明 Phương thức khác (Xin ghi rõ)

項目Hạng mục	應領金額Số tiền thực lỉnh				扣款金額Số tiền bị trừ□							實領金額Số tiền thực lỉnh	外國人簽名Lao động ký tên	工資給付日Ngày phát lương
	工資Tiền lương	加班費Tiền tăng ca	其他(請註明Khác (Xin ghi rõ)	合計Tổng cộng	全民健保險費Phí Bảo hiểm y tế	勞工保險費Phí Bảo hiểm xã hội	所得稅Thuế thu nhập	膳宿費Tiền ăn ở	職工福利金Tiền Phúc lợi lao động	其他(依法扣押之金額) 註 Khác (Theo mệnh lệnh của Toà án hoặc cơ quan hành chính)	合計Tổng cộng			
年Năm 月Tháng					409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								
年Năm 月Tháng	26400				409	581								

註: 依法院或行政執行機關之扣押命令所扣押之金額Theo mệnh lệnh của Toà án hoặc cơ quan thực hành hành chính giam giữ số tiền